

Bản án số: 576/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 25-9-2019

V/v tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thanh Nhân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vũ Ngọc Tiến.

2. Bà Tiêu Kim Thuận.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Anh Thư - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 25 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 10, số 27 đường Thành Thái, Phường 14, Quận 10, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 539/2019/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 8 năm 2019 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 205/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Hoàng T, sinh năm 1972 (có mặt).

Địa chỉ: 152 bis Bùi Thị Xuân, phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Bà Lý Như L, sinh năm 1979 (có mặt).

Địa chỉ: 01/11 HH, Phường A Quận B Thành Phố H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 12/4/2019 nguyên đơn Ông Nguyễn Hoàng T trình bày: Ông và Bà Lý Như L tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 12/2014, quyền số 01/2014 do Ủy ban nhân dân phường Phạm Ngũ Lão Quận 1 cấp ngày 19/02/2014. Quá trình chung sống do các bên không có tiếng nói chung trong cuộc sống vợ chồng nên thường xuyên gây gổ, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay nhận thấy tình cảm không còn nên ông T xin được ly hôn với bà L.

Về con chung: Ông T khai có 02 con chung tên Nguyễn Lý Hoàng A sinh ngày 27/3/2015 và NGuyễn Lý Hoàng B sinh ngày 26/10/2017. Ông T xin được nuôi con là trẻ An và giao trẻ Bảo cho bà L nuôi, không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: ông T khai không có.

Bà Lý Như L tại các bản tự khai và tại phiên tòa hôm nay trình bày: Bà xác nhận quá trình kết hôn đúng như ông T trình bày. Bà đồng ý ly hôn theo yêu cầu ông T vì bản thân ông T không lo làm ăn, không quan tâm đến đời sống chung vợ chồng cũng như có những quan hệ khác bên ngoài. Nhận thấy tình cảm vợ chồng cũng không còn nên bà L đồng ý ly hôn

Về con chung: bà L khai có 02 con chung tên Nguyễn Lý Hoàng A sinh ngày 27/3/2015 và Nguyễn Lý Hoàng B sinh ngày 26/10/2017. Nếu tòa giải quyết cho ly hôn bà xin được nuôi hai con và không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: bà L khai không có.

Tại phiên tòa hôm nay ông T và bà L vẫn giữ nguyên yêu cầu và các ý kiến trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời khai của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ vào giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 12/2014, quyền số 01/2014 do Ủy ban nhân dân phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1 cấp ngày 19/02/2014, có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa Ông Nguyễn Hoàng T và Bà Lý Như L là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ, nay ông T yêu cầu ly hôn là tranh chấp “Ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về thẩm quyền: Bị đơn bà L hiện đang cư trú tại địa chỉ 1/11 HH, Phường A Quận B Thành Phố H nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung:

[3.1] Xét yêu cầu xin ly hôn của ông T, Hội đồng xét xử xét thấy :

Ông T trình bày vợ chồng sống không có hạnh phúc, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do các bên bất đồng quan điểm sống. Bản thân bà L cũng xác định vợ chồng có mâu thuẫn và đã sống ly thân. Hai bên đều nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được và không mong muốn hòa giải đoàn tụ. Căn cứ tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình thì hôn nhân của ông T và bà L lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài. Nay ông T xin ly hôn và bà L cũng đồng ý nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của các bên.

[3.2] Xét yêu cầu xin nuôi con chung, Hội đồng xét xử nhận định:

Quá trình chung sống ông T và bà L khai có 02 con chung tên Nguyễn Lý Hoàng A sinh ngày 27/3/2015 và Nguyễn Lý Hoàng B sinh ngày 26/10/2017. Ông T mong muốn được nuôi trẻ An và đồng ý giao trẻ Bảo cho bà L nuôi dưỡng. Bà L mong muốn được nuôi hai con chung. Cả hai không yêu cầu cấp dưỡng. Quá trình giải quyết vụ án Tòa đã thông báo cho ông T và bà L có nghĩa vụ cung cấp chứng cứ chứng minh thu nhập và điều kiện nuôi con theo đúng quy định tại Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ vào đơn xin xác nhận của đại lý vé số trực tiếp của công ty xổ số kiến thiết Thành phố Hồ Chí Minh xác nhận ông Nguyễn Hoàng Thiện có tiền lương là 10.000.000 (mười triệu) đồng cũng như tại phiên tòa ông T khai nhận ông còn được gia đình cho số tiền 8.000.000 (tám triệu) đồng là tiền gia

đình cho thuê nhà nên ông vẫn đóng tiền học cho con. Bản thân bà L xuất trình bản lương, hợp đồng lao động do công ty TNHH sản xuất và thương mại Hà Nam Ninh xác nhận mức lương hàng tháng là trên 18.000.000 (mười tám triệu) đồng. Ngoài ra, bà L còn là chủ hộ kinh doanh mua bán thuốc thú y, thức ăn gia súc tại Hậu Giang. Tại phiên tòa hôm nay bà L khai nhận còn kinh doanh bất động sản nên thu nhập bình quân trên 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng/ tháng. Từ những cơ sở trên Hội đồng xét xử cần phân tích như sau:

Bản thân ông T có thu nhập nhưng xét thấy thu nhập của ông T đều xuất phát từ phía gia đình ông T. Đối với thu nhập của bà Thiện xuất phát từ hoạt động việc làm và kinh doanh ổn định. Xét trẻ An hiện nay được 04 tuổi còn trẻ Bảo dưới 2 tuổi, các trẻ còn rất nhỏ và hiện nay đều đang sống cùng bà L. Căn cứ khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình quy định “Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con...”. Như đã phân tích điều kiện chăm sóc và nuôi dưỡng con như trên cho thấy bà L hiện có việc làm, thu nhập và nơi ở ổn định đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Do đó, việc giao trẻ An và trẻ Bảo cho bà L nuôi là có cơ sở nên chấp nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do bà L không yêu cầu cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết

Về tài sản chung: Hai bên cùng khai không có nên không yêu cầu Tòa giải quyết.

Án phí dân sự sơ thẩm: Ông T phải chịu án phí theo quy định pháp luật

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 56, 58, 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình;
- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Căn cứ Điều 5, khoản 8 Điều 27 của Pháp lệnh về án phí, lệ phí Tòa án; Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

Về quan hệ vợ chồng: Ghi nhận Ông Nguyễn Hoàng T và Bà Lý Như L tự nguyện ly hôn.

Về con chung: Giao hai trẻ Nguyễn Lý Hoàng A sinh ngày 27/3/2015 và Nguyễn Lý Hoàng B sinh ngày 26/10/2017 cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của bà L không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Ông T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con mà không ai có quyền cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của người đang trực tiếp nuôi con.

Vì quyền lợi về mọi mặt của con, khi có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con hoặc hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên.

Về tài sản chung: Hai bên khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình: ông T chịu 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0007403 ngày 18/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án.

Hội thẩm nhân dân

- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.10;
- Chi cục THADS Q.10;
- UBND P. Phạm Ngũ Lão Q1;
- Đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thanh Nhàn